

DANH SÁCH CBVC VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC (Diễn biến quá trình học hàm/học vị, tuyển dụng/ngỉ hưu/chuyển công tác tính từ năm 2011-28/9/2017)

TT	Họ tên	Năm sinh	Học hàm/Học vị					Đơn vị công tác	Ghi chú
			GS	PGS	TS	ThS	KS		
1	Phạm Văn Thê	17/9/1949		PGS	TS			BM Động cơ đốt trong	Nghỉ hưu 10/2016
2	Phạm Minh Tuấn	24/6/1954	GS		TS			BM Động cơ đốt trong	
3	Hoàng Đình Long	30/6/1957		PGS	TS			BM Động cơ đốt trong	
4	Khổng Vũ Quang	11/15/1974		PGS/2013	TS			BM Động cơ đốt trong	
5	Lê Anh Tuấn	21/10/1975		PGS	TS			BM Động cơ đốt trong	
6	Trần Quang Vinh	15/5/1975		PGS/2016	TS 9/2012			BM Động cơ đốt trong	
7	Trần Đăng Quốc	05/6/1975			TS 2/2013			BM Động cơ đốt trong	
8	Trần Anh Trung	17/11/1976			TS 8/2012			BM Động cơ đốt trong	
9	Phạm Hữu Tuyên	1/12/1976		PGS/2016	TS			BM Động cơ đốt trong	
10	Trần Thị Thu Hương	06/1/1978		PGS/2016	TS 9/2011			BM Động cơ đốt trong	
11	Nguyễn Thế Lương	23/10/1979			TS 3/2013			BM Động cơ đốt trong	
12	Nguyễn Duy Tiến	24/8/1982				ThS 10/2012		BM Động cơ đốt trong	
13	Nguyễn Đức Khánh	3/1/1985				ThS 11/2014		BM Động cơ đốt trong	
14	Nguyễn Việt Thanh	11/9/1986				ThS 11/2015		BM Động cơ đốt trong	
15	Nguyễn Thế Trục	16/3/1983				ThS 10/2011		BM Động cơ đốt trong	NCS Nhật
16	Phạm Hữu Nam	17/4/1948		PGS	TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	Nghỉ hưu 5/2013
17	Võ Văn Hương	2/10/1951		PGS	TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
18	Phạm Huy Hương	20/10/1952				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	Nghỉ hưu 11/2012
19	Lưu Văn Tuấn	23/10/1953		PGS	TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
20	Nguyễn Trọng Hoan	24/9/1958		PGS	TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
21	Phạm Ngọc Toàn	14/4/1960				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
22	Hoàng Thăng Bình	9/12/1972			TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
23	Nguyễn Tiến Dũng	9/9/1973				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
24	Hồ Hữu Hải	6/1/1974		PGS/2011	TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
25	Dư Tuấn Đạt	29/12/1974				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
26	Dương Ngọc Khánh	10/24/1976			TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
27	Đàm Hoàng Phúc	8/14/1976			TS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
28	Trịnh Minh Hoàng	28/4/1976			TS 4/2015			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
29	Trương Đăng Việt Thăng	14/6/1979				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
30	Trần Thanh Tùng	15/12/1982			TS 10/2015			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
31	Trần Trọng Đạt	20/1/1990				ThS 8/2016		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	Tuyển dụng 4/2017
32	Lê Văn Nghĩa	15/10/1985				ThS		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	NCS Nga Tuyển dụng 3/2013
33	Nguyễn Thanh Tùng	6/2/1986				ThS 7/2011		BM Ô tô và Xe chuyên dụng	NCS Nhật
34	Tạ Thành Liêm	1/9/1957				ThS		BM KT Hàng không và Vũ trụ	
35	Lê Xuân Trường	1/12/1976			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	
36	Nguyễn Phú Hùng	10/6/1976		PGS/2013	TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Chuyển sang Bộ KH&CN 1/2015
37	Nguyễn Phú Khánh	15/3/1977		PGS/2015	TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	
38	Đinh Tấn Hưng	1/8/1977			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Tuyển dụng 1/2012
39	Nguyễn Mạnh Hưng	8/4/1978			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Kỷ luật buộc thôi việc 9/2013
40	Phạm Gia Diễm	18/5/1980			TS 5/2017			BM KT Hàng không và Vũ trụ	
41	Hoàng Thị Kim Dung	4/15/1981			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	
42	Vũ Quốc Huy	6/27/1982			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng 9/2017
43	Vũ Đình Quý	15/10/1983			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Tuyển dụng 1/2012
44	Lê Thị Tuyết Nhung	20/11/1983			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Tuyển dụng 9/2015
45	Lưu Hồng Quân	12/7/1986			TS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	Tuyển dụng 9/2014
46	Nguyễn Anh Tuấn	20/1/1978				ThS		BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Canada
47	Hà Mạnh Tuấn	28/11/1981				ThS		BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Hàn Quốc
48	Hoàng Thanh Tùng	8/9/1986				ThS 1/2012		BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Pháp
49	Phạm Xuân Tùng	12/04/1986				ThS		BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Nga Tuyển dụng 9/2013
50	Lê Quang	24/3/1955		PGS	TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
51	Lương Ngọc Lợi	10/10/1954		PGS/2011	TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
52	Nghiêm Xuân Giang	24/6/1968				ThS 10/2011		BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
53	Lê Thanh Tùng	2/1/1970		PGS/2013	TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
54	Ngô Văn Hiến	30/7/1970		PGS/2012	TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
55	Phạm Thị Thanh Hương	30/4/1972			TS 1/2014			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
56	Lê Thị Thái	29/12/1974			TS 1/2014			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
57	Hoàng Công Liêm	6/19/1978			TS 10/2011			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
58	Phan Anh Tuấn	7/13/1978		PGS/2016	TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
59	Lê Đình Anh	10/27/1980			TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng 9/2014
60	Nguyễn Đông	13/1/1981			TS 10/2016			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
61	Lương Đình Dũng	25/12/1981			TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	NCS Mỹ
62	Nguyễn Tuấn Anh	10/21/1981			TS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng 6/2015
63	Ngô Văn Hệ	4/8/1982			TS 3/2013			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
64	Phạm Văn Sáng	4/6/1983			TS 8/2014			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
65	Hoàng Minh Đức	17/12/1984				ThS		BM KT Thủy khí và Tàu thủy	NCS Canada
66	Ngô Sỹ Lộc	1/20/1950		PGS	TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Nghỉ hưu 3/2017
67	Phạm Quý Đức	6/1/1951					KS	BM Máy và Tự động thủy khí	Nghỉ hưu 7/2011
68	Phạm Văn Khao	3/20/1951			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Nghỉ hưu 4/2011
69	Bùi Quốc Thái	2/3/1952		PGS	TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
70	Nguyễn Thế Mich	18/1/1954	GS/2011		TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
71	Hoàng Sinh Trường	25/12/1955		PGS/2015	TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
72	Hoàng Thị Bích Ngọc	21/4/1957		PGS	TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
73	Đỗ Huy Cường	6/28/1970			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
74	Trương Việt Anh	4/7/1973		PGS/2013	TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
75	Nguyễn Văn Bộ	25/8/1978			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng 3/2016
76	Trần Khánh Dương	1/24/1980			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	
77	Trần Xuân Bộ	27/1/1983			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Tuyển dụng 3/2012
78	Vũ Văn Trường	14/6/1983			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Tuyển dụng 9/2014
79	Phạm Tất Thăng	06/08/1984				ThS 10/2013		BM Máy và Tự động thủy khí	Chuyển công tác 4/2016
80	Đỗ Việt Long	22/11/1985				ThS		BM Máy và Tự động thủy khí	Tuyển dụng 9/2011
81	Đỗ Thành Công	20/12/1986				ThS 11/2011		BM Máy và Tự động thủy khí	
82	Trương Văn Thuận	26/5/1987			TS			BM Máy và Tự động thủy khí	Tuyển dụng 3/2016
83	Ngô Ich Long	6/26/1986			TS 4/2016			BM Máy và Tự động thủy khí	NC sau TS tại HQ
84	Nguyễn Duy Vinh	7/9/1984				ThS		PTN ĐCĐT	NCS HQ
85	Vũ Khắc Thiên	6/20/1984				ThS 10/2012		PTN ĐCĐT	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng từ 3/2017
86	Nguyễn Thu Hà	9/16/1962					KS	Văn phòng Viện	
87	Trịnh Thị Hạnh Nguyễn	5/11/1978				ThS		Văn phòng Viện	Chấm dứt HDLV theo nguyện vọng từ 5/2017
88	Vũ Hồng Minh	1/14/1979				ThS		Văn phòng Viện	Chuyển từ VP dự án Việt Nhật sang từ 9/2017
89	Nguyễn Thị Thanh Hà	22/12/1982					CN	Văn phòng Viện	
90	Đào Chung Hải	28/8/1983				ThS 4/2015		Văn phòng Viện	

DANH SÁCH CBVC VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC (20/9/2017)

TT	Họ tên	Năm sinh	Học hàm/Học vị						Đơn vị công tác	Ghi chú
			GS	PGS	TS	ThS	KS	CN		
1	Phạm Minh Tuấn	24/6/1954	GS		TS				BM Động cơ đốt trong	
2	Hoàng Đình Long	30/6/1957		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
3	Khổng Vũ Quang	11/15/1974		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
4	Lê Anh Tuấn	21/10/1975		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
5	Trần Quang Vinh	15/5/1975		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
6	Trần Đăng Quốc	05/6/1975			TS				BM Động cơ đốt trong	
7	Trần Anh Trung	17/11/1976			TS				BM Động cơ đốt trong	
8	Phạm Hữu Tuyển	1/12/1976		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
9	Trần Thị Thu Hương	06/1/1978		PGS	TS				BM Động cơ đốt trong	
10	Nguyễn Thế Lương	23/10/1979			TS				BM Động cơ đốt trong	
11	Nguyễn Duy Tiến	24/8/1982				ThS			BM Động cơ đốt trong	
12	Nguyễn Đức Khánh	3/1/1985				ThS			BM Động cơ đốt trong	
13	Nguyễn Việt Thanh	11/9/1986				ThS			BM Động cơ đốt trong	
14	Nguyễn Thế Trục	16/3/1983				ThS			BM Động cơ đốt trong	NCS Nhật
15	Võ Văn Hương	2/10/1951		PGS	TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
16	Lưu Văn Tuấn	23/10/1953		PGS	TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
17	Nguyễn Trọng Hoan	24/9/1958		PGS	TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
18	Phạm Ngọc Toàn	14/4/1960				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
19	Hoàng Thăng Bình	9/12/1972			TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
20	Nguyễn Tiến Dũng	9/9/1973				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
21	Hồ Hữu Hải	6/1/1974		PGS	TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
22	Dư Tuấn Đạt	29/12/1974				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
23	Dương Ngọc Khánh	10/24/1976			TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
24	Đàm Hoàng Phúc	8/14/1976			TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
25	Trịnh Minh Hoàng	28/4/1976			TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
26	Trương Đăng Việt Thắng	14/6/1979				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
27	Trần Thanh Tùng	15/12/1982			TS				BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
28	Trần Trọng Đạt	20/1/1990				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	
29	Lê Văn Nghĩa	15/10/1985				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	NCS Nga
30	Nguyễn Thanh Tùng	6/21/1986				ThS			BM Ô tô và Xe chuyên dụng	NCS Nhật
31	Ta Thành Liêm	1/9/1957				ThS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	
32	Lê Xuân Trường	1/12/1976			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
33	Nguyễn Phú Khánh	15/3/1977		PGS	TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
34	Đình Tấn Hưng	1/8/1977			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
35	Phạm Gia Diễm	18/5/1980			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
36	Hoàng Thị Kim Dung	4/15/1981			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
37	Vũ Đình Quý	15/10/1983			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
38	Lê Thị Tuyết Nhung	20/11/1983			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
39	Lưu Hồng Quân	12/7/1986			TS				BM KT Hàng không và Vũ trụ	
40	Nguyễn Anh Tuấn	20/1/1978				ThS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Canada
41	Hà Mạnh Tuấn	28/11/1981				ThS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Hàn Quốc
42	Hoàng Thanh Tùng	8/9/1986				ThS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Pháp
43	Phạm Xuân Tùng	12/04/1986				ThS			BM KT Hàng không và Vũ trụ	NCS Nga
44	Lê Quang	24/3/1955		PGS	TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
45	Lương Ngọc Lợi	10/10/1954		PGS	TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
46	Nghiêm Xuân Giang	24/6/1968				ThS			BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
47	Lê Thanh Tùng	2/1/1970		PGS	TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
48	Ngô Văn Hiến	30/7/1970		PGS	TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
49	Phạm Thị Thanh Hương	30/4/1972			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
50	Lê Thị Thái	29/12/1974			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
51	Hoàng Công Liêm	6/19/1978			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
52	Phan Anh Tuấn	7/13/1978		PGS	TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
53	Nguyễn Đông	13/1/1981			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
54	Lương Đình Dũng	25/12/1981			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	NCS Mỹ
55	Ngô Văn Hệ	4/8/1982			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
56	Phạm Văn Sáng	4/6/1983			TS				BM KT Thủy khí và Tàu thủy	
57	Hoàng Minh Đức	17/12/1984					KS		BM KT Thủy khí và Tàu thủy	CH Canada
58	Bùi Quốc Thái	2/3/1952		PGS	TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
59	Nguyễn Thế Mich	18/1/1954	GS		TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
60	Hoàng Sinh Trường	25/12/1955		PGS	TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
61	Hoàng Thị Bích Ngọc	21/4/1957		PGS	TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
62	Đỗ Huy Cường	6/28/1970			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
63	Trương Việt Anh	4/7/1973		PGS	TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
64	Trần Khánh Dương	1/24/1980			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
65	Trần Xuân Bô	27/1/1983			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
66	Vũ Văn Trường	14/6/1983			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
67	Đỗ Việt Long	22/11/1985				ThS			BM Máy và Tự động thủy khí	
68	Đỗ Thành Công	20/12/1986				ThS			BM Máy và Tự động thủy khí	
69	Trương Văn Thuận	26/5/1987			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	
70	Ngô Ích Long	6/26/1986			TS				BM Máy và Tự động thủy khí	NC sau TS tại HQ
71	Nguyễn Duy Vinh	7/9/1984				ThS			PTN ĐCĐT	NCS HQ
72	Nguyễn Thu Hà	9/16/1962					KS		Văn phòng Viện	
73	Vũ Hồng Minh	1/14/1979				ThS			Văn phòng Viện	
74	Nguyễn Thị Thanh Hà	22/12/1982						CN	Văn phòng Viện	
75	Đào Chung Hải	28/8/1983				ThS			Văn phòng Viện	

Tổng số 75CB trong đó
2GS
20PGS
28TS
22ThS
02KS
1CN
63CBGD
8PVGĐ
4HC
11 Đt NN

Phụ lục I. TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC VIỆN CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC (Tính từ 1/2009 đến ngày 09/12/2011)

TT	Năm	Tổng số CB, CNV (trong biên chế)			Giải quyết chế độ (hưu, chuyển đi, mất)			Tuyển mới (bao gồm cả chuyển đến)			Hợp đồng (với Viện)	
		CBGD	PVGD NCKH	HCSN	CBGD	PVGD	HCSN	CBGD	PVGD NCKH	HCSN	Dài hạn	Ngắn hạn
1	2009	59	16	6	3	2		9		3		3
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	15	2		2			2				
	- BM Động cơ đốt trong	12	3			2		1				
	- BM Máy & TĐTK	11	3		1			2				
	- BM KTTK & Tàu thủy	12	4									
	- BM KT Hàng không & VT	9	2					4				
	- PTN Động cơ đốt trong		2	1								1
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2						2		
	- TT Tư vấn & CGCN			3						1		2
2	2010	61	17	8	1				1			6
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	15	2									
	- BM Động cơ đốt trong	13	3									
	- BM Máy & TĐTK	11	4		1				1			
	- BM KTTK & Tàu thủy	12	4									1
	- BM KT Hàng không & VT	10	2									
	- PTN Động cơ đốt trong		2	1								1
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2								
	- TT Tư vấn & CGCN			5								4
3	2011	60	16	5	1	2		1		1		2
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	15	2									
	- BM Động cơ đốt trong	13	2			1						
	- BM Máy & TĐTK	10	3		1	1		1				
	- BM KTTK & Tàu thủy	12	5									1
	- BM KT Hàng không & VT	10	2									
	- PTN Động cơ đốt trong		2	1								1
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2								
	- TT Tư vấn & CGCN			2						1		

Phụ lục II. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

TT	Năm	Phân bố độ tuổi			Học vị			Học hàm		Cán bộ trẻ đang được đào tạo			
		>55	35 - 55	<35	TS	ThS	ĐH	GS	PGS	Nước ngoài		Trong nước	
										NCS	CH	NCS	CH
1	2009	8	29	41	30	27	20	1	11	17	3	2	6
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	4	7	6	6	10	1		4	4			1
	- BM Động cơ đốt trong	1	3	11	6	5	3	1	3	5			
	- BM Máy & TĐTK	3	5	3	7	1	2		3	1			
	- BM KTTK & Tàu thủy		7	8	5	7	5		1	6	3	2	4
	- BM KTHK & VT		1	10	6	4	1			1			1
	- PTN Động cơ đốt trong			3			3						
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2			2						
	- TT Tư vấn & CGCN		1	3		1	3						
2	2010	8	29	41	33	26	21	2	13	15	3	2	8
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	4	7	6	8	9	1		5	3			1
	- BM Động cơ đốt trong	2	4	9	6	5	3	1	3	5			2
	- BM Máy & TĐTK	3	4	5	8	1	3	1	3	1	1		2
	- BM KTTK & Tàu thủy		7	8	5	7	5		2	5	2	2	1
	- BM KTHK & VT		3	9	6	4	1			1			
	- PTN Động cơ đốt trong			3			3						2
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2			2						
	- TT Tư vấn & CGCN		1	3		1	3						
3	2011	12	30	39	37	30	14	2	14	13	3	4	4
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	4	10	3	9	8			5	2		1	
	- BM Động cơ đốt trong	2	7	6	7	5	3	1	3	4			1
	- BM Máy & TĐTK	4	3	6	8	3	2	1	3	1	1		1
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	5	10	6	8	3		3	4	2	3	
	- BM KTHK & VT		4	8	7	4	1			2			1
	- PTN Động cơ đốt trong			3		1	2						1
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2			2						

Phụ lục II. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

TT	Năm	Phân bố độ tuổi			Học vị			Học hàm		Cán bộ trẻ đang được đào tạo			
		>55	35 - 55	<35	TS	ThS	ĐH	GS	PGS	Nước ngoài		Trong nước	
										NCS	CH	NCS	CH
1	2012	12	33	37	42	28	12	2	14	14	1	5	3
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	4	9	3	9	7			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	2	7	6	10	3	2	1	3	1	1		1
	- BM Máy & TĐTK	4	3	7	9	3	2	1	3	2			1
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	7	9	6	7	5		3	6		3	1
	- BM KTHK & VT		6	7	8	5			1	2		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2							
	- VP Viện Cơ khí Động lực		1	3		1	3						
2	2013	14	34	33	43	28	10	2	17	12	1	3	1
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	8	4	7	8			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	7	5	11	3	1	1	4		1		
	- BM Máy & TĐTK	5	3	6	9	4	1	1	4	2			1
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	8	8	9	4	5		4	5		1	
	- BM KTHK & VT	1	6	6	7	6			1	2		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2							
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2		1	3						
3	2014	14	35	32	44	28	9	2	17	11	1	3	
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	9	3	7	8			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	8	4	11	3	1	1	4		1		
	- BM Máy & TĐTK	5	3	7	10	4	1	1	4	2			
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	7	7	10	4	4		4	3		1	
	- BM KTHK & VT	1	6	7	7	6			1	2		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2				1			
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2		1	3						
4	2015	15	34	30	48	27	4	2	19	11		3	
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	9	3	9	6			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	8	4	11	4		1	5				
	- BM Máy & TĐTK	5	4	6	10	4	1	1	5	2			
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	7	5	10	3	1		4	2		1	
	- BM KTHK & VT	1	5	8	8	6			1	3		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2				1			
	- VP Viện Cơ khí Động lực		2	2		2	2						

Phụ lục 2. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

TT	Năm	Phân bố độ tuổi			Học vị			Học hàm		Cán bộ trẻ đang được đào tạo			
		>55	35 - 55	<35	TS	ThS	ĐH	GS	PGS	Nước ngoài		Trong nước	
										NCS	CH	NCS	CH
1	2013	14	34	33	43	28	10	2	17	12	1	3	1
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	8	4	7	8			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	7	5	11	3	1	1	4		1		
	- BM Máy & TĐTK	5	3	6	9	4	1	1	4	2			1
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	8	8	9	4	5		4	5		1	
	- BM KTHK & VT	1	6	6	7	6			1	2		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2							
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2		1	3						
2	2014	14	35	32	44	28	9	2	17	11	1	3	
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	9	3	7	8			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	8	4	11	3	1	1	4		1		
	- BM Máy & TĐTK	5	3	7	10	4	1	1	4	2			
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	7	7	10	4	4		4	3		1	
	- BM KTHK & VT	1	6	7	7	6			1	2		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2				1			
	- VP Viện Cơ khí Động lực			2		1	3						
3	2015	14	34	30	48	27	4	2	18	11		3	
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	3	9	3	9	6			4	3		1	
	- BM Động cơ đốt trong	3	8	4	11	4		1	4				
	- BM Máy & TĐTK	5	4	6	10	4	1	1	5	2			
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	7	5	10	3	1		4	2		1	
	- BM KTHK & VT	1	5	8	8	6			1	3		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2				1			
	- VP Viện Cơ khí Động lực		2	2		2	2						
4	2016	14	37	26	50	25	2	2	21	11		3	
	- BM Ôtô & xe chuyên dụng	4	8	3	9	6			4	2		1	
	- BM Động cơ đốt trong	2	8	4	10	4		1	6	1			
	- BM Máy & TĐTK	5	3	6	12	2		1	5	1		1	
	- BM KTTK & Tàu thủy	2	9	3	11	3			5	2			
	- BM KTHK & VT	1	7	6	8	6			1	4		1	
	- PTN Động cơ đốt trong			2		2				1			
	- VP Viện Cơ khí Động lực		2	2		2	2						

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIỆN tại Hội nghị Cán bộ viên chức năm 2017

Thực hiện thông báo số 947/ĐHBK-HCTH, ngày 11/12/2017 của Ban chỉ đạo Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Trường ĐHBK Hà Nội năm 2017, Ban Lãnh đạo Viện Cơ khí Động lực xây dựng bản Báo cáo công tác trình bày trước Hội nghị CBVC Viện năm 2017 tổ chức vào ngày 12/01/2018 gồm các nội dung sau:

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2016

1.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016:

- Tham gia xây dựng và triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ.
- Tận dụng cơ hội để tham gia, triển khai các đề án, thu hút cán bộ giỏi trong và ngoài nước về Viện làm việc.
- Kiên định mục tiêu năng động đổi mới, phát triển bền vững và đồng đều giữa các đơn vị trong Viện, thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo điều kiện tốt nhất để các cá nhân/đơn vị trong Viện cùng phát triển.

Viện Cơ khí Động lực hiện có 73 CBVC, trong đó 62 CBGD, 8 PVGD, 3 HCSN. Về cơ cấu độ tuổi, số lượng cán bộ thuộc độ tuổi trên 55 tuổi/từ 35 đến 55 tuổi/dưới 35 tuổi lần lượt là 12/40/21. Về học hàm, học vị, Viện hiện có 2GS, 20PGS, 29TS, 20 ThS, 2ĐH, trong đó 11 cán bộ đang học tập và nghiên cứu ở nước ngoài (Phụ lục 1, 2).

Viện là một thành viên tích cực trong nhóm các Viện thí điểm tính toán thu nhập tăng thêm, Đề án thí điểm tính thu nhập tăng thêm do các Viện trình Hiệu trưởng đã được lấy làm cơ sở cho quá trình xây dựng Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Thu chi nội bộ của Trường.

Viện đã xây dựng Dự thảo Quy chế Tổ chức & hoạt động để xin ý kiến của toàn thể cán bộ trong Viện, Dự thảo Quy chế Thu chi nội bộ cũng đang trong giai đoạn tiến hành. Viện trưởng đã trình Hiệu trưởng và đề nghị ra quyết định thành lập Hội đồng Viện, làm tiền đề cho quá trình xây dựng Định hướng phát triển của Viện.

Về vấn đề cải cách hành chính, Viện nghiêm túc thực hiện việc quản lý văn bản theo ISO và phần mềm eOffice và được đánh giá cao qua các đợt kiểm tra đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài. Hệ quản lý, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH trên nền công cụ tin học đã được lãnh đạo Viện chuyển giao từ Viện CNTT&TT, sẽ sớm được đưa vào vận hành chính thức.

Hoạt động thu hút cán bộ, chuyên gia giỏi đến Viện chỉ mới được tiến hành một cách tự phát, còn thiếu chiến lược và giải pháp lâu dài, bền vững.

1.2. Công tác Đào tạo và công tác sinh viên

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016:

- Triển khai đổi mới, phát triển, kiểm định các chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch đã đăng ký với cấu trúc và nội dung dựa trên chuẩn trình độ đầu ra, chú trọng đến năng lực hành nghề của người tốt nghiệp.
- Triển khai hiệu quả công tác cố vấn học tập/quản lý lớp sinh viên, tư vấn trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên.
- Hoàn thành tốt công tác tuyển sinh và quản lý nghiêm túc học viên sau đại học. Chủ động và sáng tạo tham gia các hoạt động giới thiệu tuyển sinh cùng Nhà trường.

Hiện nay, Viện có khoảng 1900 sinh viên hệ chính quy thuộc 04 chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học gồm Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Công nghệ Kỹ thuật Ô tô và 1 chương trình đào tạo chất lượng cao hợp tác với Pháp; 97 học viên cao học và 53 nghiên cứu sinh (Phụ lục 3). Số lượng sinh viên đại học lựa chọn các chuyên ngành đại học của toàn Viện các khóa gần đây là K62 (377 sinh viên), K61 (281 sinh viên).

Viện hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học. Mặc dù số lượng học viên cao học đang có xu hướng giảm theo tình hình chung của toàn Trường nhưng quy mô đào tạo nghiên cứu sinh của Viện vẫn giữ ở mức khá cao. Các tồn đọng liên quan đến NCS quá hạn đã và đang được Lãnh đạo Viện phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý một cách đúng hướng và hiệu quả. Ngoài ra, cán bộ của Viện đã tham gia đầy đủ, nghiêm túc công tác coi thi trung học phổ thông năm 2017.

Viện đã triển khai và thực hiện đúng tiến độ kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn AUN/QA. Chương trình “Kỹ thuật Cơ khí động lực” sẽ sớm hoàn thành báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị cho đợt kiểm định vào tháng 3/2018, 2 chương trình còn lại “KT. Hàng không” và “KT. Tàu thủy” cũng đang được gấp rút tổ chức tự đánh giá.

Các chương trình đào tạo tích hợp cử nhân – thạc sĩ đang được thực hiện theo đúng tiến độ chung của Nhà trường. Hoạt động lấy ý kiến của doanh nghiệp, cựu sinh viên, cán bộ và sinh viên đối với chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đã được Viện tổ chức thực hiện một cách hiệu quả và thiết thực.

Công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên được thực hiện một cách thực chất hơn, nhiều giải pháp tin học hóa đã được triển khai như sử dụng mạng xã hội, trang web, thành lập câu lạc bộ hỗ trợ, câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ sinh viên NCKH. Công tác đón tiếp sinh viên K62 nhập học được thực hiện lần đầu tiên tại Viện và để lại ấn tượng, màu sắc đậm chất Cơ khí động lực. Hoạt động tuyển sinh K62 cũng được Viện thực hiện hiệu quả theo chỉ đạo chung của Nhà trường.

Viện đã phát huy tối đa khả năng hợp tác để tạo cơ hội cho sinh viên nhận học bổng từ doanh nghiệp, tham gia các khóa internship tại doanh nghiệp nước ngoài, tiếp nhận sinh viên nước ngoài thực tập, nghiên cứu tại Viện, và giới thiệu việc làm cho sinh viên, cựu sinh viên. Trong năm 2017, số lượng sinh viên nước ngoài đến thực tập tại Viện là 01; 35 sinh viên được nhận học bổng từ doanh nghiệp thông qua hợp tác của Viện và của Trường, 09 sinh viên được nhận học bổng hỗ trợ học tập/khuyến khích tài năng của Trường trị giá 01 năm học phí; 08 sinh viên được cử đi internship ở nước ngoài (Phụ lục 4). 37 sinh viên năm cuối, cựu sinh viên được Viện giới thiệu và được tuyển chọn vào làm việc cho Daihatsu, Nissan Techno, Daizotech, PTSC.

Nhằm phục vụ cho công tác đào tạo, CBVC của Viện đã đăng ký viết mới 19 giáo trình trong giai đoạn 2015-2018, 05 giáo trình đã hoàn thành (Phụ lục 5). Hoạt động này mặc

dù nhận được hưởng ứng mạnh mẽ của CBVC nhưng mức độ hoàn thành theo tiến độ viết giáo trình đã đăng ký còn thấp, trong thời gian tới cần có rà soát và tìm giải pháp khả thi.

CBVC của Viện hoàn thành tốt và vượt định mức khối lượng giảng dạy hàng năm (Phụ lục 6). Tuy nhiên, tình trạng phân công giảng dạy chưa đồng đều vẫn rải rác diễn ra ở một vài Bộ môn mặc dù Viện đã có chỉ đạo quyết liệt về việc này. Công tác dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành được Viện quan tâm và phối hợp tích cực với Trung tâm Đảm bảo chất lượng. Việc phân công khối lượng cần thực hiện một cách thống nhất, trên cơ sở cân đối khối lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ trong toàn Viện, dựa trên công cụ tin học hóa.

1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016 chú trọng các mục tiêu:

- *Nâng cao hơn nữa số lượng các công bố quốc tế và số lượng sở hữu trí tuệ. Đăng ký thành công ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước và tương đương; đăng ký thành công 2 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ cho năm 2017.*
- *Tiếp tục đổi mới, định hướng và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động NCKH sinh viên, xây dựng mô hình các câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp.*

Công tác NCKH của Viện luôn được chú trọng và là một trong những điểm mạnh của Viện. Là một Viện được Nhà trường phân cấp tự chủ trong thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, các cán bộ khoa học luôn được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện tham gia và chủ trì các công trình NCKH. Hiện cán bộ của Viện đang chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài Nghị định thư cấp Nhà nước đang trong thời gian phê duyệt, 05 đề tài cấp Bộ Giáo dục (02 đề tài đã và đang được nghiệm thu), 04 đề tài Nafosted¹, 21 đề tài cấp Trường²; tổng kinh phí của các đề tài NCKH là 11,955 tỷ VNĐ (Phụ lục 7, 7.1, 7.2).

Hoạt động hợp tác nghiên cứu, thử nghiệm chuyển giao công nghệ được duy trì và phát triển. 1 hợp tác được ký và thực hiện với các GS của trường MIT, Mỹ (2,4 tỷ VNĐ); 02 hợp đồng thử nghiệm khí thải xe máy với Công ty TNHH Piaggio Việt Nam tại PTN Động cơ đốt trong, 01 hợp đồng đào tạo công nghệ động cơ cho cán bộ kỹ thuật của Motul, 01 hợp đồng đào tạo kiến thức cơ bản về bảo trì máy bơm cho nhân viên bảo trì hệ thống của Công ty cổ phần dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội Bài. Tổng kinh phí cho hoạt động này là 4,593 tỷ VNĐ.

Công bố quốc tế của cán bộ năm 2017 tăng lên rõ rệt. 73 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế, trong đó có 09 bài đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI/Scopus (Phụ lục 7.3, 7.4). Mặc dù đây là thành tích rất nổi bật của đội ngũ cán bộ của Viện, đặc biệt là cán bộ trẻ, nhưng con số ở trên vẫn đang ở mức khiêm tốn và cần tiếp tục đầu tư, khuyến khích.

Mục tiêu xây dựng các định hướng nghiên cứu thế mạnh của toàn Viện được tiến hành chậm nên các hoạt động nghiên cứu tại một số đơn vị còn mờ nhạt do khối lượng đào tạo lớn hoặc cán bộ chưa chủ động trong triển khai thực hiện hoạt động này.

Công tác NCKH sinh viên nhận được sự quan tâm sát sao của lãnh đạo Viện. Các thành tích nổi bật của hoạt động này gồm: Viện vẫn tiếp tục hỗ trợ cho các đội sinh viên tham gia các cuộc thi máy bay mô hình, đua xe tiết kiệm nhiên liệu như Shell Eco Marathon, Honda Eco Milleage Challenge, Olympic Cơ học chất lỏng toàn quốc... Sinh viên của Viện

¹ 01 đề tài nghiệm thu 03/2017.

² 09 đề tài đã được nghiệm thu từ tháng 6-9/2017, với tổng kinh phí 435 triệu VNĐ.

tham gia sôi nổi các hoạt động sinh viên NCKH của Viện, của Trường và cuộc thi Sáng tạo trẻ Bách khoa. Sinh viên của Viện đã đạt giải Nhì Giải thưởng sinh viên nghiên cứu sáng tạo cấp Bộ (không có giải Nhất), 2 nhóm sinh viên của Viện đạt giải Khuyến khích cuộc thi Sáng tạo trẻ Bách khoa 2017.

1.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016: *Thực hiện thành công và đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy, và các hợp tác khác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Nordic, Daihatsu và Workstaff; trao đổi sinh viên/cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, AOTULE... Tổ chức các hoạt động hội thảo/hội nghị, bài giảng trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế.*

Hoạt động hợp tác quốc tế của Viện liên tục được đẩy mạnh, trong đó điển hình là những hoạt động trao đổi cán bộ nghiên cứu và thực hiện dự án hợp tác quốc tế trong mạng lưới AUN/Seed-Net, mạng lưới AOTULE, MHI, Eco-Red 2015-2018, JSPS Core-to-Core 2015-2018, ERIA Energy 2016-2018, Denso-TokyoTech. Các chuyên gia của Viện cũng tích cực tham gia trong các dự án hợp tác quốc tế và trong nước như Dự án do tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ), Tổ chức không khí sạch Châu Á (CAI ASIA) điều phối.

Viện cũng luôn khuyến khích cán bộ tham dự các Hội nghị khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài cũng như tổ chức đón tiếp và trao đổi về cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu.

1.5. Xây dựng cơ sở vật chất

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016: *Lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các công tác phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư hóa chất. Từng bước đầu tư và chỉnh trang các PTN cơ sở phục vụ đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường và nguồn hợp tác. Xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện.*

Công tác giải ngân kinh phí phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị và vật tư hóa chất được Viện chỉ đạo thực hiện kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định của Nhà trường. Dự án hợp tác Eco-Red đã mang lại một số thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo các học phần về năng lượng tái tạo. Tổng kinh phí thiết bị của dự án mang lại là 808,782 triệu VNĐ (Phụ lục 8).

Dự án nâng cấp PTN ô tô từ kinh phí của Nhà nước là một trong 2 dự án đã được Nhà trường ưu tiên thực hiện trong năm 2018.

Năm 2018, khi dự án WB khởi công, nhiều cơ sở vật chất như Phòng thí nghiệm, Văn phòng sẽ bị ảnh hưởng. Phương án di dời một số Văn phòng Bộ môn và Phòng thí nghiệm sang tòa nhà D8 đang được lãnh đạo Viện và các Bộ môn tích cực chuẩn bị.

Trang web thông tin của Viện được quan tâm cập nhật nội dung đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho cán bộ, sinh viên, các đối tác trong và ngoài nước, nhưng hoạt động này được thực hiện không liên tục, nhiều thông tin ít được điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đồng bộ.

1.6. Quản lý tài chính

- Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện 2016: *Tiếp tục công khai, minh bạch, hiệu quả các hoạt động tài chính theo quy chế thu chi nội bộ của Viện, hỗ trợ các hoạt động nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức và sinh viên.*

Viện đã triển khai nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí được Nhà trường giao, phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính.

Hoạt động giải ngân tài chính đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước do Viện là đơn vị chủ trì được thực hiện năm đầu tiên. Đến nay, công tác giải ngân và hỗ trợ cho chủ nhiệm đề tài được thực hiện tốt và đáp ứng tiến độ, kịp thời.

Tình hình tài chính của Viện năm 2017 như sau: Tổng thu từ 01/2017 đến 12/2017, tính gồm cả số dư đầu kỳ: 704.710.382 VNĐ. Tổng chi cho mọi hoạt động của Viện: 453.623.800 VNĐ, trong đó chi cho phúc lợi 192.124.000 VNĐ. Tính đến 12/2017, quỹ Viện có 251.086.582 VNĐ (Phụ lục 9).

Công tác kế toán trong năm 2017 có sự biến động về nhân sự nhưng Viện đã có sự điều chỉnh kịp thời nên mảng hoạt động này vẫn được hoàn thành theo đúng kế hoạch.

1.7. Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể, thi đua và đời sống

Đảng bộ Viện luôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong năm qua, Đảng bộ Viện chuyển đảng chính thức cho 01 đảng viên dự bị, 01 công đoàn viên ưu tú đã được cử đi học lớp cảm tình đảng. Tổng số đảng viên của Viện hiện nay là 40.

Công tác đại hội các Chi bộ và đại hội Công đoàn Viện được tiến hành thành công trong năm 2017.

Công đoàn thường xuyên làm tốt các hoạt động phong trào tăng tình đoàn kết, gắn bó và hiểu biết giữa các công đoàn viên và đã đạt được các thành tích đáng khích lệ như Giải Nhất, Giải Ba giải Tennis cán bộ trẻ (5/2017). Trong năm qua Công đoàn Viện là một trong những Công đoàn bộ phận xuất sắc và đã được tặng Bằng khen (7/2017). Các hoạt động hiếu hỷ, thăm hỏi các CBVC, tư thân phụ mẫu ốm đau được thực hiện một cách kịp thời.

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được Đảng ủy và Lãnh đạo Viện định hướng, quan tâm và ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi Hội đã gặt hái được nhiều thành công, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng (Phụ lục 10, 11). Các hoạt động đó cung cấp cho sinh viên nhiều kiến thức mềm, kiến thức xã hội, bên cạnh việc thúc đẩy phong trào học tập và rèn luyện.

Công tác thi đua, khen thưởng: Ban lãnh đạo Viện chú trọng và thực hiện nghiêm túc những qui định, hướng dẫn của Trường trong công tác xét thi đua, khen thưởng. Trong năm 2017, 14 CB đạt danh hiệu CSTĐ, 02 CB được đề nghị tặng Bằng khen Bộ trưởng, 01 CB được đề nghị tặng Bằng khen Thủ tướng (Phụ lục 12).

Chăm lo đời sống CBVC: Những khoản chi cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, chăm lo đời sống CBVC... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho CBVC. Nhiều CBVC đã tự nguyện đóng góp để ủng hộ cho các hoạt động, phong trào sinh viên và các hoạt động Công đoàn.

2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Phương hướng hoạt động của Viện năm 2018 được định hướng theo chủ trương chung của Nhà trường là “đổi mới mạnh mẽ cơ cấu tổ chức theo Quy chế Tổ chức và hoạt động

mới, áp dụng mô hình quản trị theo chiến lược và ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động”..

2.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành - quản lý

- Tổ chức thực hiện các nội dung đổi mới và nâng cao năng lực hệ thống quản lý và điều hành theo chủ trương chung của Nhà trường. Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Thu chi nội bộ, xây dựng Định hướng phát triển chuyên môn của Viện.

- Quy hoạch vị trí việc làm cũng như triển khai thực hiện cơ chế tự chủ trả lương tăng thêm và đánh giá năng lực thực hiện theo KPI.

- Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và năng lực ngoại ngữ.

- Đưa vào sử dụng hệ thống quản lý điều hành dựa trên nền tin học hóa.

- Tăng cường quản lý hiệu quả các hoạt động hành chính theo tiêu chuẩn ISO.

2.2. Công tác đào tạo và công tác sinh viên

- Hoàn thiện công tác phát triển chương trình đào tạo tích hợp theo chủ trương chung của Nhà trường.

- Kiểm định 1 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN/QA và phần đầu kiểm định 2 chương trình đào tạo còn lại của Viện theo chuẩn này.

- Xem xét xây dựng mới 1 chương trình tham gia nhóm Elitech.

- Tăng cường hỗ trợ sinh viên thông qua các giải pháp được phát triển cuối năm 2017 như câu lạc bộ hỗ trợ, câu lạc bộ tiếng Anh, nhóm nghiên cứu sinh viên... kèm theo các đánh giá để điều chỉnh kịp thời và phát huy hiệu quả hoạt động. Phối hợp với Nhà trường triển khai tốt công tác thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên, của các doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên.

- Chủ trì tổ chức thành công 1 khóa trao đổi sinh viên với nhiều sinh viên quốc tế đến Viện giao lưu và học tập, cũng như cử được nhiều lượt sinh viên tham dự các khóa trao đổi sinh viên với các trường quốc tế, các đối tác quốc tế của Viện. Duy trì và phát huy số lượng các suất học bổng sinh viên khai thác từ nguồn kinh phí hợp tác của Viện.

- Chủ động và hoàn thành tốt công tác tuyển sinh đào tạo đại học và sau đại học; tiếp tục quản lý nghiêm túc tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên cao học.

2.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Xây dựng các định hướng nghiên cứu chủ đạo của Viện.

- Thành lập và khuyến khích các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí động lực dựa trên nền tảng các công trình, các hướng nghiên cứu hiện có, cũng như cơ sở vật chất, nhân lực và quan hệ hợp tác của các đơn vị.

- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng dịch vụ chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng các đề tài, dự án liên ngành.

- Thực hiện đúng tiến độ các đề tài nghiên cứu các cấp.

- Đăng ký thành công ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước và tương đương; 1 đề tài Nafosted và 1 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ hoặc tương đương.

- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao hơn nữa số lượng các công bố quốc tế và số lượng sở hữu trí tuệ. Phân đầu tăng 10%-20% số lượng bài báo ISI/Scopus so với năm 2017.

- Tiếp tục đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động NCKH trong sinh viên, khuyến khích phát triển và nhân rộng mô hình các câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp; định hướng cho sinh viên gắn kết các hoạt động học tập với nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp.

2.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

- Hoàn thành đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy; thúc đẩy các hợp tác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Daihatsu và Workstaff... nhằm thúc đẩy chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích đội ngũ chuyên gia của Viện tham gia xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Duy trì và phát triển các hợp tác, mạng lưới hợp tác nhằm tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế cho cán bộ và sinh viên.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu hợp tác – đối ngoại để phối hợp phát triển và khai thác chung trong Viện và các đơn vị khác trong Trường.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động hội thảo, hội nghị, bài giảng trong khuôn khổ các hợp tác quốc tế với MHI và Trường Đại học Nagoya, cũng như trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế.

2.5. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Phân đầu từng bước đầu tư và chỉnh trang các PTN cơ sở phục vụ đào tạo, phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu theo chủ trương chung của Nhà trường.

- Thu xếp ổn định các Văn phòng và Phòng thí nghiệm trong khu vực di dời sang vị trí mới một cách kịp thời và nhanh chóng, ít gây ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị và công tác đào tạo, nghiên cứu.

- Triển khai đúng tiến độ và quy trình dự án nâng cấp Phòng thí nghiệm ô tô theo chỉ đạo của Nhà trường.

- Lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các công tác phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư hóa chất.

- Hoàn thiện trang web của Viện theo hướng tăng cường các hoạt động tương tác hằng ngày, tiện lợi trong hoạt động cập nhật thông tin.

2.6. Quản lý tài chính

- Tham gia triển khai hệ thống thông tin quản lý tài chính theo chỉ đạo của Nhà trường.

- Xây dựng và ban hành Quy chế thu chi nội bộ cũng như thực hiện các hoạt động tài chính công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ trả lương tăng thêm cho cán bộ theo chủ trương của Nhà trường.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở thành tích đã đạt được và những bài học kinh nghiệm trong năm qua, Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ Viện, tập trung thực hiện tốt các giải pháp trong các mảng công tác đã nêu nhằm nâng cao chất lượng và năng suất hoạt động, từ đó tăng tính công bằng, đồng thời tạo động lực làm việc cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

Viện kiên định mục tiêu năng động đổi mới, phát triển bền vững và đồng đều trong toàn Viện, thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị trong Viện cùng phát triển.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. Lê Anh Tuấn